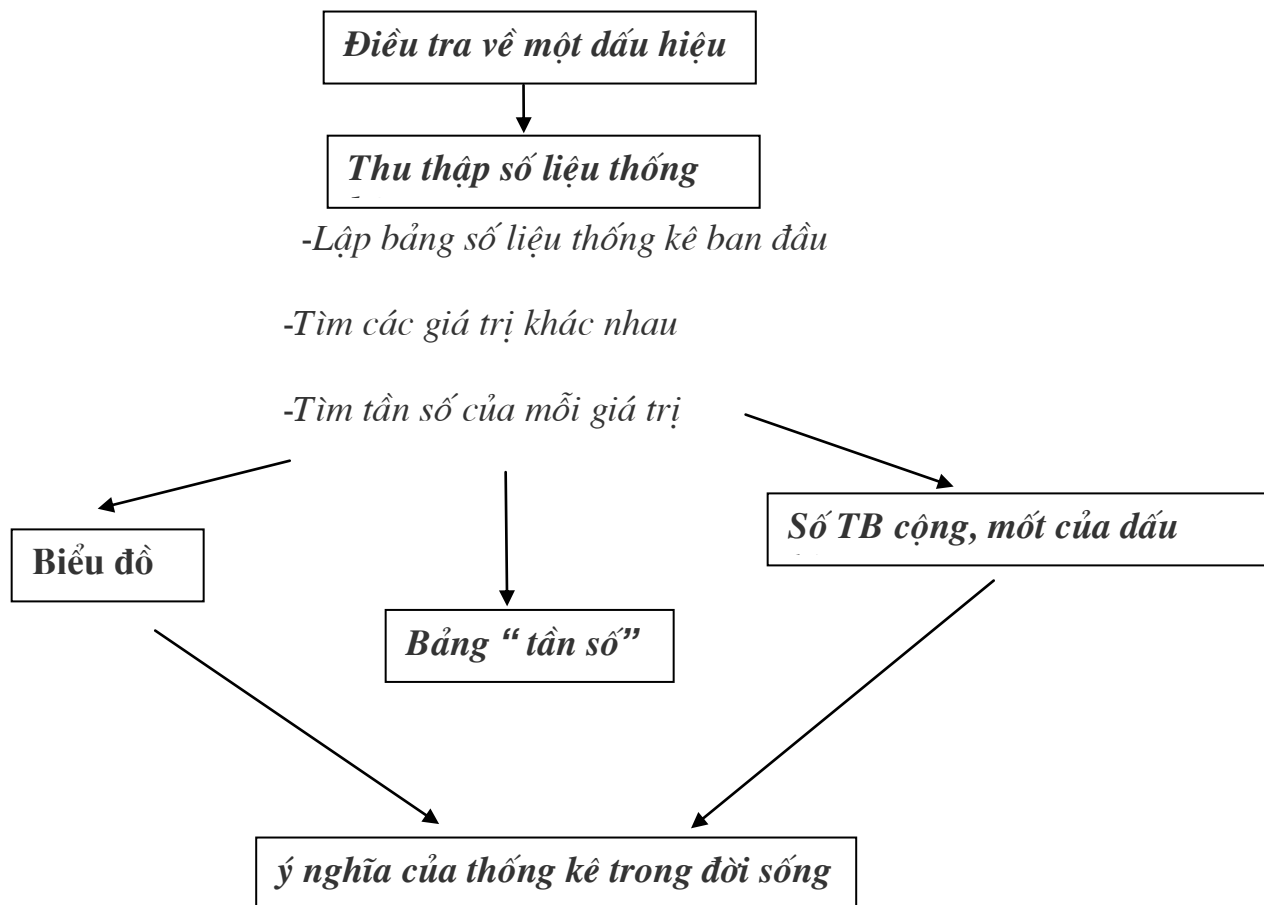


TÊN BÀI DẠY: ÔN TẬP CHƯƠNG III

Môn học: Đại số lớp 7a1, 7a2, 7a5, 7a8

Thời gian thực hiện : 2 tiết

ÔN TẬP CHƯƠNG 3



Bài 1: Điều tra năng suất lúa xuân năm 1990 của 31 tỉnh thành từ Nghệ An trở vào, người điều tra lập được bảng dưới đây.

- Lập bảng "tần số"
- Dựng biểu đồ đoạn thẳng
- Tính số trung bình cộng

TT	Tỉnh, thành phố	Năng suất (tạ/ ha)
1	Nghe An	30
2	Hà Tĩnh	30
3	Quảng Bình	20
4	Quảng Trị	25
5	Thừa Thiên- Huế	35
6	Đà Nẵng	45
7	Quảng Nam	40
8	Quảng Ngãi	40
9	Bình Định	35
10	Phú Yên	50
11	Khánh Hòa	45
12	TP.Hồ Chí Minh	35
13	Lâm Đồng	25
14	Ninh Thuận	45
15	Tây Ninh	30

TT	Tỉnh, thành phố	Năng suất (tạ/ ha)
16	Bình Dương	30
17	Đồng Nai	30
18	Bình Thuận	40
19	Bà Rịa- Vũng Tàu	30
20	Long An	25
21	Đồng Tháp	35
22	An Giang	35
23	Tiền Giang	45
24	Vĩnh Long	35
25	Bến Tre	35
26	Kiên Giang	35
27	Cần Thơ	30
28	Trà Vinh	40
29	Sóc Trăng	40
30	Bạc Liêu	40
31	Cà Mau	35

Bài 2: Nghiên cứu "tuổi thọ" của một loại bóng đèn, người ta đã chọn tùy ý 50 bóng và bật sáng liên tục cho tới lúc chúng tự tắt. "Tuổi thọ" của các bóng (tính theo giờ) được ghi lại ở bảng 23 (làm tròn đến hàng chục):

Tuổi thọ (x)	1150	1160	1170	1180	1190	
Số bóng đèn tương ứng (n)	5	8	12	18	7	N = 50

a) Dấu hiệu cần tìm hiểu ở đây là gì và số các giá trị là bao nhiêu?

b) Tính số trung bình cộng.

c) Tìm một của dấu hiệu.

Bài 3: Điểm kiểm tra một tiết môn Văn của học sinh lớp 7A được giáo viên ghi lại như sau:

8	8	3	7	6	5	4	2	5	6
6	6	5	4	3	7	5	8	9	6
10	9	8	10	9	4	3	5	7	2

10	5	5	8	3	4	8	6	7	9
----	---	---	---	---	---	---	---	---	---

a) Dấu hiệu ở đây là gì? Lớp 7A có bao nhiêu học sinh làm bài kiểm tra ?

b) Lập bảng tần số .

c) Tính số trung bình cộng và tìm mốt của dấu hiệu.

d) Tính tỉ lệ % số học sinh dưới trung bình (có điểm nhỏ hơn 5)

TÊN BÀI DẠY: ÔN TẬP CHƯƠNG II HÌNH HỌC

Môn học: Hình học lớp 7a1, 7a2, 7a5, 7a8

Thời gian thực hiện : 2 tiết

ÔN TẬP CHƯƠNG 2 HÌNH HỌC

A. Lý thuyết

1. Tổng ba góc của một tam giác

Tổng ba góc của một tam giác bằng 180°

2. Tam giác vuông

Định nghĩa: Tam giác vuông là tam giác có một góc vuông.

Định lý: Trong tam giác vuông, hai góc nhọn phụ nhau.

3. Hai tam giác bằng nhau

Hai tam giác bằng nhau là hai tam giác có các cạnh tương ứng bằng nhau, các góc tương ứng bằng nhau.

4. Các trường hợp bằng nhau của tam giác

- Trường hợp thứ nhất: Nếu ba cạnh của tam giác này bằng ba cạnh của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau theo trường hợp cạnh – cạnh – cạnh.

- Trường hợp thứ hai: Nếu hai cạnh và góc xen giữa của tam giác này bằng hai cạnh và góc xen giữa của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau.

- Trường hợp thứ ba: Nếu một cạnh và hai góc kề của tam giác này bằng một cạnh và hai góc kề của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau.

5. Tam giác cân

Tam giác cân là tam giác có hai cạnh bằng nhau.

Tính chất

Trong tam giác cân, hai góc ở đáy bằng nhau.

- Dấu hiệu nhận biết:

+ Nếu một tam giác có hai cạnh bằng nhau thì tam giác đó là tam giác cân.

+ Nếu một tam giác có hai góc bằng nhau thì tam giác đó là tam giác cân.

Định nghĩa tam giác vuông cân: Tam giác vuông cân là tam giác vuông có hai cạnh góc vuông bằng nhau.

Tính chất: Mỗi góc nhọn của tam giác vuông cân bằng 45°

Định nghĩa: Tam giác đều là tam giác có ba cạnh bằng nhau.

ΔABC đều $\Leftrightarrow AB = AC = BC$

Tính chất: Trong tam giác đều, mỗi góc bằng 60°

ΔABC đều $\Leftrightarrow \angle A = \angle B = \angle C = 60^\circ$

- Dấu hiệu nhận biết:

+ Nếu tam giác có ba cạnh bằng nhau thì tam giác đó là tam giác đều.

+ Nếu tam giác có ba góc bằng nhau thì tam giác đó là tam giác đều.

+ Nếu một tam giác cân có một góc bằng 60° thì tam giác đó là tam giác đều.

6. Định lý Py – ta – go

Trong một tam giác vuông, bình phương của cạnh huyền bằng tổng các bình phương của hai cạnh góc vuông.

Nếu một tam giác có bình phương của một cạnh bằng tổng các bình phương của hai cạnh kia thì tam giác đó là tam giác vuông.

B. Bài tập

Bài 1: Cho tam giác ABC có $\angle A = 60^\circ$, $\angle C = 50^\circ$. Tia phân giác góc B cắt AC tại D. Tính $\angle ADB$, $\angle CDB$

Bài 2: Tìm số đo các góc của tam giác ABC có: $21\angle A = 14\angle B = 6\angle C$

Bài 3: Cho tam giác ABC có chu vi bằng 21cm. Độ dài ba cạnh của tam giác là ba số lẻ liên tiếp và $AB < BC < AC$. Tìm độ dài các cạnh của tam giác PQR biết tam giác ABC bằng tam giác PQR.

Bài 4: Cho tam giác ABC có M thuộc cạnh BC sao cho $\triangle AMB = \triangle AMC$. Chứng minh rằng:

- a) M là trung điểm của BC
- b) AM là tia phân giác của góc A
- c) $AM \perp BC$

Bài 5: Cho tam giác ABC. Vẽ cung tròn tâm A bán kính BC, vẽ cung tròn tâm C bán kính BA, chúng cắt nhau ở D (D và B nằm khác phía đối với bờ AC). Chứng minh rằng $AD \parallel BC$

Bài 6: Cho đường thẳng AB, trên hai nửa mặt phẳng đối nhau bờ là đoạn thẳng AB vẽ hai tia $Ax \perp AB$; $By \perp BA$. Trên Ax và By lần lượt lấy hai điểm C và D sao cho $AC = BD$. Gọi O là trung điểm của AB.

- a) Chứng minh rằng: $\triangle AOC = \triangle BOD$
- b) Chứng minh O là trung điểm của CD